

Số: 176/2021/QĐST- HNGĐ

B, ngày 22 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 306/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1982

HKTT và nơi ở: Số nhà 65, tổ dân phố số 2, phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh B.

* Bị đơn: Anh Phạm Đức T, sinh năm 1975

HKTT và nơi ở: Số nhà 65, tổ dân phố số 2, phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14/10/2021 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu N và anh Phạm Đức T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu N và anh Phạm Đức T có 02 con chung là Phạm Gia Huy, sinh ngày 16/7/2008 và Phạm Gia Bảo, sinh ngày 02/6/2011. Chị N và anh T thống nhất thoả thuận chị N trực tiếp nuôi cháu Phạm Gia Huy, sinh ngày 16/7/2008; anh Phạm Đức T trực tiếp nuôi cháu Phạm Gia Bảo,

sinh ngày 02/6/2011. Về cấp dưỡng nuôi con anh T, chị N không yêu cầu nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T, chị N tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu cả 150.000 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001056 ngày 05/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn trả chị N số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ný sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- CCTHADS TP B;
- VKS TP B;
- Các đương sự;
- UBND phường Mỹ Độ, tp B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu Hà